

Bản án số: 32/2018/HS-ST
Ngày 12-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Bà Hoàng Thị C.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 877/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lương Minh T, sinh năm 1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 13, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn N và bà Lương Thị T; vợ đã ly hôn và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30-3- 2018, bị tạm giam tại Trại giam Hải Phòng từ ngày 08-4-2018. Có mặt.

2. Phạm Văn Đ, sinh năm 1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Vương Thị K; có vợ là Trần Mai L và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự, nhân thân: Ngày 18-6-2009 Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích); bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 31-3-2018, bị tạm giam tại Trại giam Hải Phòng từ ngày 09-4-2018 đến ngày 28-6-2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ “Tạm giam” sang cho “Bảo lĩnh”. Có mặt.

3. Nguyễn Văn N, sinh năm 1978 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá:

Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị Th; có vợ là Đỗ Thị N và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 30-6-2018, bị tạm giam tại Trại giam Hải Phòng từ ngày 03-7-2018. Có mặt.

4. Đỗ Văn Q, sinh năm 1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C và bà Đào Thị C; có vợ là Bùi Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 12-6-2018, bị tạm giam tại Trại giam Hải Phòng từ ngày 20-6-2018. Có mặt.

- *Bị hại:*

+ Anh Bùi Trung Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ Đ 3, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

+ Chị Mai Thị D, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ T 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

+ Anh Vũ Anh T, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 10, K, N, K, Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

+ Chị Bùi Thị Hè, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 48B/380 L, B, K, Hải Phòng, có mặt.

+ Chị Lê Minh V, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 27/3/37 L, L, L, Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

+ Anh Bùi Đ Đông, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 845 N, K, Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

+ Anh Vũ Mạnh Cường, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 5 đường n số 2, Đ, V, K, Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 2, Cụm 5, B, K, Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài L có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 29/3/2018 tại cửa nhà số 175 đường N, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, anh Bùi Trung Đ để 01 xe Sirius biển kiểm soát 15N1-126.60, do không chú ý nên đã bị kẻ gian lấy trộm. Cùng ngày, anh Bùi Trung Đ đã đến trình báo với Công an phường V, quận K.

Ngày 30-3-2018 Lương Minh T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận K bắt giữ, thu giữ của Lương Minh T 01 lưỡi văm, 01 tay văm, 01 thẻ căn cước công dân, 01 mũ lưỡi trai, 01 ví da, 01 áo khoác màu đen, 01 khẩu trang và

310.000đ. Quá trình điều tra, qua đấu tranh, Lương Minh T khai nhận các vụ trộm cắp như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 29-3-2018, Lương Minh T phát hiện thấy 01 xe mô tô Sirius biển kiểm soát 15N1-126.60 ở cửa nhà số 175 N, K, Hải Phòng, thấy không có người trông coi nên đã lén lút dắt xe về phía Ngã 5 K, đấu dây điện, nổ máy xe và đi đến nhà Đỗ Văn Q ở thôn Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Tại nhà Q, T nói cho Q biết chiếc xe máy nêu trên do T phạm tội mà có, Q đã đồng ý mua với giá 3.500.000đ. Ngày 30-3-2018 Lương Minh T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận K bắt giữ. Cùng ngày Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà Đỗ Văn Q 01 xe mô tô Sirius biển kiểm soát 15N1-126.60.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-ĐG ngày 02-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K đã kết luận: “01 xe mô tô Sirius, biển kiểm soát 15N1-126.60 trị giá 12.000.000đ”.

Vụ thứ hai:

Ngày 25-02-2018, Lương Minh T phát hiện 01 xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 17B6-325.49 của chị Mai Thị D để ở trong sân khu vực nhà trọ ngõ 45 N, phường V, quận K, Hải Phòng. T lén lút dắt ra ngoài, đấu dây điện nổ máy xe và tháo biển kiểm soát vứt đi sau đó nhờ Nguyễn Văn Đ bán cho người không quen biết ở khu vực xã Mỹ Đ, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng với giá 2.000.000đ, T chia lại cho Đ 1.000.000đ. Ngày 25-02-2018 chị Mai Thị Dung đến Công an quận K trình báo việc mất trộm xe máy nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-ĐG ngày 12-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K đã kết luận: “01 xe mô tô Wave RSX, biển kiểm soát 17B6-325.49 trị giá 12.000.000đ”.

Vụ thứ ba:

Ngày 01-3-2018 Lương Minh T phát hiện 01 xe mô tô Wave biển kiểm soát 18K1-307.75 của anh Vũ Anh T để ở trong sân của quán Internet số 161 đường Phan Đăng Lưu, phường T, quận K, Hải Phòng. Thấy sơ hở, không có người trông coi, T lén lút dắt xe ra ngoài, đấu dây điện, nổ máy, tháo biển kiểm soát vứt đi sau đó điều khiển xe đi đến nhà Phạm Văn Đ ở thôn T, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. T nói với Đ là xe trộm cắp mà có, bán cho Đ với giá 3.000.000đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Phạm Văn Đ đều khai nhận có mua của Lương Minh T 01 xe máy vào thời điểm T khai nhận, nhưng không phải là xe Wave biển kiểm soát 18K1-307.75 mà là xe máy Jupiter. Tại phiên tòa các bị cáo Lương Minh T, Phạm Văn Đ đều giữ nguyên lời khai của mình.

Ngày 01-3-2018 Vũ Anh T đến trình báo tại Công an phường T, quận K.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-ĐG ngày 12-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K đã kết luận: “01 xe mô tô Wave, biển kiểm soát 18K1-307.75 trị giá 13.000.000đ”.

Vụ thứ tư:

Ngày 12-3-2018 Lương Minh T và Nguyễn Hữu C rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà bà Bùi Thị H ở ngõ 380 L, B, K, Hải Phòng phát hiện 01 xe mô tô Wave biển kiểm soát 16M7-1226 và 01 xe đạp mi ni để ở trong sân. T và C lên lút phá khóa cổng, dắt xe mô tô và xe đạp ra ngoài sau đó C bán cho người không quen biết, C chia cho T 1.500.000đ. Hiện đối tượng Nguyễn Hữu C vắng mặt tại địa phương.

Ngày 13-3-2018 bà Bùi Thị H đến trình báo tại Công an phường Bắc Sơn, quận K.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-ĐG ngày 12-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K đã kết luận: “01 xe mô tô Wave, biển kiểm soát 16M7-1226 trị giá 10.000.000đ”. Đối với xe đạp mi ni hiện thất lạc, bà H không xuất trình được tài L thông tin liên quan đến xe đạp nên không có cơ sở xác định giá trị chiếc xe đạp mi ni theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 30 ngày 07-3-2018 của C phủ quy định về định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

Vụ thứ năm:

Ngày 24-3-2018 Lương Minh T phát hiện nhà số 87 đường L, phường Q, quận K, Hải Phòng khóa cửa ngoài nên đã dùng thanh sắt phá khóa cửa đi vào trong nhà lấy 01 xe mô tô SH Mode biển kiểm soát 15B2-980.73 của chị Lê Minh V. T dắt xe ra ngoài, tháo biển kiểm soát vứt đi sau đó đi đến nhà Phạm Văn Đ ở thôn T, xã H, huyện A, Hải Phòng. T nói cho Đ biết là chiếc xe trên do T trộm cắp mà có, nhờ Đ bán hộ. Đ khai đã bán xe nêu trên cho đối tượng tên Sơn được 6.000.000đ, T cho Đ 200.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-ĐG ngày 12-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K đã kết luận: “01 xe mô tô SH Mode, biển kiểm soát 15B2-980.73 trị giá 35.000.000đ”.

Ngày 03-4-2018 chị Lê Minh V đến trình báo tại Công an phường Quán Trữ, quận K, Hải Phòng.

Vụ thứ sáu:

Ngày 27-3-2018 tại nhà để xe của Bệnh viện K do ông Bùi Đ Đ trông coi. Lương Minh T phát hiện 01 xe mô tô SH Mode biển kiểm soát 15N1-111.69, thấy có sơ hở, T dắt xe ra ngoài, đấu dây điện để nổ máy xe và tháo biển kiểm soát vứt đi. T điều khiển xe đến nhà Đỗ Văn Q, tại nhà Q, T gặp Nguyễn Văn N. T nói với N là xe do T trộm cắp, N đồng ý mua với giá 8.000.000đ, T cho N 1.000.000đ. Chiếc xe nêu trên là của chị Phạm Thị L.

Sáng ngày 30-3-2018 chị Phạm Thị L đã trình báo tại cơ quan Công an quận K.

Sau khi biết tin Lương Minh T bị bắt, Nguyễn Văn N đã dắt xe để tại cánh đồng thuộc thôn B, xã M, huyện A, Hải Phòng. Ngày 08-4-2018 Công an xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng đã thu giữ 01 xe mô tô SH Mode tại cánh đồng thôn B và thông báo cho Công an quận K đến tiếp nhận xe mô tô.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-ĐG ngày 02-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận K đã kết luận: “01 xe mô tô SH Mode, biển kiểm soát 15N1-111.69 trị giá 40.000.000đ”.

Vụ thứ bảy:

Ngày 28-3-2018 Lương Minh T phát hiện nhà anh Vũ Mạnh C ở tổ Đ 3, phường V, quận K, Hải Phòng khóa cửa ngoài nên T dùng thanh sắt phá khóa cửa vào trong nhà lấy 01 ti vi LG 42 inch, dùng vỏ ga quần chiếc ti vi mang đến nhà anh Nguyễn Trung N ở tổ Hòa Bình 2, phường T, quận K bán cho anh N. T khai nói rõ cho anh N biết chiếc ti vi là do phạm tội mà có. Anh N đồng ý mua với giá 4.000.000đ, tuy nhiên anh N khai không biết ti vi là do T phạm tội nên mới đồng ý mua.

Ngày 29-3-2018 anh Vũ Mạnh C trình báo mất trộm Ti vi tại Công an phường V, quận K.

Ngày 31-3-2018 anh Nguyễn Trung N tự nguyện giao nộp 01 ti vi LG 42 inch cho Công an quận K. Hiện đối tượng Nguyễn Trung N vắng mặt tại địa phương.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-ĐG ngày 12-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận K đã kết luận: “01 ti vi LG 42 inch có giá 8.000.000đ”.

Ngoài 07 lần phạm tội nêu trên, Lương Minh T và Phạm Văn Đ còn khai nhận khoảng giữa tháng 3 năm 2018 T trộm cắp 01 xe mô tô Dream ở dãy nhà trọ số 11/43 N, phường N, quận K, Hải Phòng sau đó bán cho Đ với giá 1.000.000đ. Cơ quan điều tra đã thông báo tìm người bị hại, tuy nhiên chưa xác định được người bị hại. Khoảng giữa tháng 1 năm 2018 T trộm cắp 01 xe máy Future ở khu vực Chợ C, huyện K, Hải Phòng sau đó bán cho Đ với giá 1.500.000đ. Cơ quan điều tra đã có thông báo gửi Công an huyện Kiến Thụy để xử lý theo thẩm Q.

Ngày 30-8-2018 tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKS của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng truy tố Lương Minh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị can Phạm Văn Đ về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*”; truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Đỗ Văn Q về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K giữ Q công tố phát biểu ý kiến:

Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lương Minh T về tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173, các điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt

bị cáo từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Rút một phần Quyết định truy tố đối với Phạm Văn Đ đối với hành vi tiêu thụ xe máy của anh Vũ Anh T ngày 01-3-2018 để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Truy tố Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn N, Đỗ Văn Q về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Phạm Văn Đ từ 24 đến 30 tháng tù; căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Nguyễn Văn N từ 06 đến 09 tháng tù; xử phạt Đỗ Văn Q từ 06 đến 09 tháng tù.

Về dân sự: Buộc Lương Minh T phải bồi thường cho chị Mai Thị D số tiền là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); bồi thường cho anh Vũ Anh T số tiền là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng); bồi thường cho chị Bùi Thị H số tiền là 11.000.000đ (mười một triệu đồng); bồi thường cho chị Lê Minh V số tiền là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 lưỡi văm, 01 tay văm, 01 mũ lưỡi trai, 01 ví da, 01 áo khoác đen, 01 khẩu trang thu giữ của Lương Minh T. Đây là những vật liên quan đến tội phạm hoặc không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 thẻ căn cước công dân cần trả lại Lương Minh T; đối với số tiền 310.000đ thu giữ của Lương Minh T xét không liên quan đến tội phạm nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo Lương Minh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; buộc các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn N, Đỗ Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo hình phạt nhẹ nhất để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài L trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo, người bị hại, người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc rút một phần quyết định truy tố của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K: Tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 30-8-2018 Viện Kiểm sát

nhân dân quận K đã truy tố Phạm Văn Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử thấy Phạm Văn Đ thực hiện hành vi tiêu thụ 01 xe máy SH Mode do Lương Minh T trộm cắp của chị Lê Minh V; đối với việc Lương Minh T khai Phạm Văn Đ có hành vi tiêu thụ xe máy Wave biển kiểm soát 18K1-307.75 do T trộm cắp của anh Vũ Anh T, hiện chỉ có lời khai của T, quá trình điều tra và tại phiên tòa Phạm Văn Đ không thừa nhận hành vi tiêu thụ xe máy nêu trên mà khai nhận chỉ tiêu thụ xe máy Jupiter, không phải là xe Wave biển kiểm soát 18K1-307.75. Hiện nay vật chứng của vụ án là xe máy Wave biển kiểm soát 18K1-307.75 và xe Jupiter không thu hồi được, không có tài L chứng cứ nào khác, do vậy không đủ căn cứ để kết tội đối với bị cáo Phạm Văn Đ về hành vi tiêu thụ tài sản đối với chiếc xe máy Wave biển kiểm soát 18K1-307.75 do Lương Minh T trộm cắp của anh Vũ Anh T. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K căn cứ Điều 319 Bộ luật Tố tụng hình sự rút một phần quyết định truy tố là phạm tội từ 02 lần trở lên đối với bị cáo Phạm Văn Đ về hành vi tiêu thụ 01 xe máy Wave biển kiểm soát 18K1-307.75 để tách ra tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau là phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Lương Minh T có hành vi lén lút, thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản của những người bị hại với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng). Hành vi của bị cáo Lương Minh T đã vi phạm Điều 173 Bộ luật Hình sự, phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Phạm Văn Đ biết rõ xe máy SH Mode biển kiểm soát 15N2-980.73 (có trị giá là 35.000.000đ) là do T trộm cắp mà có nhưng vẫn bán giúp T cho đối tượng tên Sơn được hưởng lợi 200.000đ; Nguyễn Văn N biết rõ chiếc xe máy SH Mode biển kiểm soát 15N1-111.69 (trị giá 40.000.000đ) là do T trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với giá 8.000.000đ, được hưởng lợi do T cho 1.000.000đ; Đỗ Văn Q biết rõ chiếc xe máy Sirius biển kiểm soát 15N1-1126.60 (trị giá 12.000.000đ) là do T trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với giá 3.500.000đ. Hành vi của các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn N, Đỗ Văn Q đã vi phạm Điều 323 Bộ luật Hình sự, phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Như vậy Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo về các tội danh theo các điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, trị an xã hội. Vì vậy, pháp luật yêu cầu phải xử lý N để cải tạo, giáo dục các bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét vai trò, nhân thân của các bị cáo như sau:

- Đối với bị cáo Lương Minh T, bị cáo không có nghề nghiệp, không có việc làm, trong thời gian ngắn đã thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản của những người bị hại với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu

đồng). Hành vi của bị cáo Lương Minh T đã vi phạm điểm b (Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp) và điểm c (Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ) theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Việc áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo với một mức án N khắc và cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét đến nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự); sau khi bị bắt đã tự nguyện khai báo nhiều hành vi phạm tội trước đó, (tự thú, theo điểm khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự); đã có thời gian phục vụ trong quân đội (theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Đối với bị cáo Phạm Văn Đ: Bị cáo biết rõ xe máy SH Mode biển kiểm soát 15N2-980.73 (có trị giá là 35.000.000đ) là do T trộm cắp mà có nhưng vẫn bán giúp T cho đối tượng tên S được hưởng lợi 200.000đ. Mặt khác, về nhân thân của bị cáo: Ngày 18-6-2009 Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt bị cáo 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tính đến ngày phạm tội, bản án này của bị cáo đã được xóa án tích nên không tính để xác định là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm, tuy nhiên cần đánh giá bị cáo có nhân thân xấu. Hậu quả của vụ án là N trọng, do hành vi tiếp tay, tiêu thụ tài sản do bị cáo Lương Minh T phạm tội, tài sản của người bị hại đến nay vẫn chưa thu hồi, bị cáo T cũng chưa bồi thường cho bị hại. Như vậy cần phải cách ly bị cáo Phạm Văn Đ ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Khi lượng hình bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt là “Thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 và đầu thú theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn N: Bị cáo có hành vi tiêu thụ 01 xe máy trị giá 40.000.000đ, hiện bị cáo đang bị tạm giam, do vậy cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Khi lượng hình, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ sau: Nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít N trọng (điểm i khoản 1 Điều 51); thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải (điểm s khoản 1 Điều 51). Tài sản bị cáo tiêu thụ đã thu hồi trả lại cho bị hại; sau khi phạm tội đã ra đầu thú (khoản 2 Điều 51); đã tác động để gia đình nộp lại số tiền hưởng lợi bất C (khoản 2 Điều 51). Đặc biệt, bị cáo được Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng xác nhận: Bị cáo do không hiểu biết pháp luật, nhất thời phạm tội, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân và gia đình chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương và đề nghị Tòa án xem xét, hoàn hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (khoản 2 Điều 51). Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy có thể chiếu cố, khoan hồng xử bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt, ngang bằng với bị cáo Đỗ Văn Q là phù hợp pháp luật và chính sách hình sự của nhà nước.

- Đối với bị cáo Đỗ Văn Q: Bị cáo có hành vi tiêu thụ 01 xe máy trị giá 12.000.000đ, hiện bị cáo đang bị tạm giam, do vậy cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Khi lượng hình, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ sau: Nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i khoản 1 Điều 51); thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải (điểm s khoản 1 Điều 51). Sau khi phạm tội đã ra đầu thú (khoản 2 Điều 51); xét giá trị tài sản bị cáo tiêu thụ là nhỏ nhất trong vụ án và đã được thu hồi, trả lại cho bị hại quản lý sử dụng (khoản 2 Điều 51), Hội đồng xét xử thấy chỉ cần xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt, ngang bằng với bị cáo Nguyễn Văn N cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Lương Minh T, Nguyễn Văn N, Đỗ Văn Q không có việc làm, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về dân sự: Lương Minh T thực hiện 07 hành vi trộm cắp tài sản, đối với tài sản của bị hại Bùi Trung Đ, Vũ Mạnh Cường, Bùi Đ Đông và người liên quan là chị Phạm Thị L; người bị hại và người liên quan đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường. Bị hại Mai Thị D yêu cầu bị cáo Lương Minh T bồi thường trị giá chiếc xe máy là 12.000.000đ; bị hại Vũ Anh T yêu cầu Lương Minh T bồi thường trị giá chiếc xe máy là 13.000.000đ; bị hại Bùi Thị Hề yêu cầu bị cáo Lương Minh T bồi thường trị giá xe máy và xe đạp là 11.000.000đ; bị hại Lê Minh V yêu cầu bị cáo Lương Minh T bồi thường trị giá chiếc xe máy là 35.000.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo Lương Minh T nhất trí bồi thường cho những người bị hại theo yêu cầu của người bị hại. Xét yêu cầu đòi bồi thường dân sự nêu trên của chị Mai Thị D, anh Vũ Anh T, chị Bùi Thị H, chị Lê Minh V và ý kiến của bị cáo Lương Minh T là phù hợp pháp luật và thực tế vụ án, được chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận K đã xử lý vật chứng, trả lại cho ông Bùi Đ Đ xe máy SH Mode biển kiểm soát 15N1-111.69; trả lại cho anh Bùi Trung Đ xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 15N1-126.60; trả lại cho anh Vũ Mạnh C 01 ti vi LG 42 inch. Tạm giữ tại cơ quan điều tra 01 điện thoại Mobell thu giữ của Lương Minh T để phục vụ việc điều tra, làm rõ, xử lý các đối tượng khác trong vụ án. Quyết định xử lý các vật chứng nêu trên của cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận K, thành phố Hải Phòng là đúng quy định của pháp luật. Đối với 01 lưỡi văm, 01 tay văm, 01 mũ lưỡi trai, 01 ví da, 01 áo khoác đen, 01 khẩu trang thu giữ của Lương Minh T. Đây là những vật liên quan đến tội phạm hoặc không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 thẻ căn cước công dân thu giữ của Lương Minh T, cần trả lại cho Lương Minh T quản lý sử dụng; đối với số tiền 310.000đ thu giữ của Lương Minh T xét không liên quan đến tội phạm nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[9] Về số tiền thu lợi bất chính, tiền do phạm tội mà có: Tài liệu chứng cứ thể hiện bị cáo Lương Minh T thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản, bán thu được tổng số tiền 25.800.000đ (hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng). Đây là số tiền do phạm tội mà có cần buộc bị cáo Lương Minh T nộp lại để sung quỹ nhà

nước. Bị cáo Nguyễn Văn N thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ, bị cáo đã tác động gia đình nộp lại số tiền nêu trên, cần tịch thu sung quỹ nhà nước; bị cáo Phạm Văn Đ thu lợi bất chính số tiền 200.000đ cần buộc bị cáo Đ nộp lại để tịch thu sung quỹ nhà nước.

[10] Đối với: Nguyễn Hữu C là người cùng Lương Minh T trộm cắp xe máy và xe đạp của chị Bùi Thị H; Nguyễn Trung N là người mua ti vi do T trộm cắp mà có; Nguyễn Văn Đ là người mua xe máy do T trộm cắp của chị Mai Thị D và một người thanh niên tên S là người mua xe máy do T trộm cắp của chị Lê Minh V. Hiện các đối tượng nêu trên đều vắng mặt tại địa phương, chỉ có lời khai của T hoặc của Đ do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận K đang tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

[11] Trong vụ án này, Lương Minh T còn khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe máy Dream tại nhà trọ số 11/43 N, phường N, quận K, sau đó bán cho Phạm Văn Đ với giá 1.000.000đ, Cơ quan điều tra đã thông báo tìm người bị hại nhưng đến nay chưa xác định được nên đã tách ra tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau. Đối với lời khai của Lương Minh T về hành vi trộm cắp 01 xe máy Future tại chợ C, huyện K, Hải Phòng sau đó bán cho Phạm Văn Đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận K đã thông báo và chuyển tài liệu đến Công an huyện Kiến Thụy để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền là phù hợp pháp luật.

[12] Về án phí: Bị cáo Lương Minh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn N, Đỗ Văn Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lương Minh T 05 (năm) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 30-3-2018. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Lương Minh T.

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 319, khoản 1 Điều 325 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo 03 tháng tù do đã bị tạm giữ, tạm giam 90 ngày (từ 31/3/2018 đến 28/6/2018). Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Phạm Văn Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 30-6-2018; xử phạt bị cáo Đỗ Văn Q 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 12-6-2018. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Nguyễn Văn N và Đỗ Văn Q.

Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, các điều 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo Lương Minh T phải bồi thường cho chị Mai Thị D số tiền là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); bồi thường cho anh Vũ Anh T số tiền là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng); bồi thường cho chị Bùi Thị H số tiền là 11.000.000đ (mười một triệu đồng); bồi thường cho chị Lê Minh Vân số tiền là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bồi thường dân sự cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng Lương Minh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về số tiền do phạm tội mà có và số tiền thu lợi bất C: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Lương Minh T phải nộp lại số tiền 25.800.000đ; buộc bị cáo Phạm Văn Đ nộp lại số tiền 200.000đ để tịch thu sung quỹ nhà nước. Sung quỹ nhà nước số tiền 1.000.000đ do gia đình bị cáo Nguyễn Văn N tự nguyện nộp lại do thu lợi bất C theo Biên lai thu tiền số 000299 ngày 11-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi văm, 01 tay văm, 01 mũ lưỡi trai, 01 ví da, 01 áo khoác đen, 01 khẩu trang thu giữ của Lương Minh T. Trả lại Lương Minh T 01 thẻ căn cước công dân số 031082003821; Trả lại Lương Minh T 310.000 nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lương Minh T phải nộp 200.000 đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 4.050.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; buộc các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn N, Đỗ Văn Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về Q kháng cáo: Các bị cáo Lương Minh T, Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn N, Đỗ Văn Q, người bị hại Bùi Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có QL&NV liên quan;
- VKSND quận K;
- VKSND thành phố Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CQCSĐT - Công an quận K;
- CQTHAHS - Công an quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Trại giam Hải Phòng;
- Lưu: VT, HCTP.

Hoàng Minh Thông

